**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN Q**
**TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 6 - 2018
V/v: "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Hòa
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quy; Bà Trần Thị Hoa
***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2018 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NGUYỄN TUẤN K - sinh năm 1988.
HKTT: số nhà 468/B2 ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đ.
Địa chỉ liên hệ: Số 1024/22B H, phường T, Quận 7, thành phố H.
- *Bị đơn:* Chị NGUYỄN THANH D - sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp 1, xã G, huyện Q, tỉnh Đ.
(Anh K có mặt, chị D vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI D VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018, bản tự khai ngày 30/01/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn K trình bày*:**

Anh và chị Nguyễn Thanh D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, quyển số 01 ngày 29/01/2010.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung và ăn chung với gia đình anh nên vợ chồng không có thu nhập riêng và chị D thì không đồng ý về vấn đề chung tiền bạc nên vợ chồng hay xảy ra cự cãi dẫn đến không còn tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, cùng năm 2011 thì hai vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh và chị D không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa anh yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thanh D.

Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2018 cho chị Nguyễn Thanh D theo quy định của pháp luật nhưng chị D không có ý kiến. Tòa án đã triệu tập chị đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D không chấp hành triệu tập của Tòa án.

*Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K. Con chung, tài sản chung không có nên khoogn xem xét. Anh K phải chịu án phí hôn nhân nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thanh D cư trú tại ấp 1, xã G, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[2] Về tư cách đương sự: Anh Nguyễn Tuấn K khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thanh D nên anh K là nguyên đơn, chị D là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh K yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn chị Nguyễn Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn K và chị Nguyễn Thanh D tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh K và chị D đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống chung với nhau***". Anh K, chị D sống ly thân đã lâu nhưng cả hai người không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Tòa án đã nhiều lần mời chị D đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng chị D không chấp hành; điều đó thể hiện chị D không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị D đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn

Tuấn K xin ly hôn với chị Nguyễn Thanh D là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh K và chị D không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do anh K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn K và bị đơn chị Nguyễn Thanh D được ly hôn.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000 đồng. Anh K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 004687 ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Tuấn K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thanh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

**Lê Xuân Hòa**